

Bản án số: 33/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 10/6/2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn.

2. Ông Nguyễn Ngọc Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 và Thông báo thay đổi ngày mở phiên tòa số 09 ngày 01/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1995. Vắng mặt.

HKTT: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: B9, khu dân cư T, xã Xuân T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị Mai kết hôn với anh Đỗ Văn T ngày 15/12/2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống từ khi đăng ký kết hôn đến nay hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn tình cảm, hạnh phúc gia đình không có, việc mâu thuẫn xung đột gia đình xảy ra không thể hòa giải và hàn gắn được. Tình cảm mâu thuẫn của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020. Đến nay chị M nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa, vì vậy chị M đề nghị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Thị Mai P, sinh ngày

28/11/2014. Sau khi ly hôn chị M nhận nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản, công sức, ruộng đất: Không có vướng mắc gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Đỗ Văn T trình bày: Anh T kết hôn với chị Nguyễn Thị M ngày 15/12/2014, trước khi kết hôn có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 01 con chung, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì chị M tự bỏ về nhà đẻ ở Lâm Đồng. Từ khi chị M về nhà đẻ anh T đã gọi nhiều lần nhưng chị M không về, vợ chồng chấm dứt quan hệ từ khi chị M về nhà đẻ cho đến nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị M xin ly hôn anh T nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Thị Mai P, sinh ngày 28/11/2014 nay đang ở với chị M, sau khi ly hôn anh T nhận nuôi con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng.

Về tài sản, công sức, ruộng đất: Anh T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cháu Đỗ Thị Mai P trình bày: Nếu bố mẹ cháu phải ly hôn, nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ cháu là Nguyễn Thị M.

Tại phiên tòa chị M và anh T vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nên HĐXX đã công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227- Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Đỗ Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M được nuôi con là Đỗ Thị Mai P, sinh ngày 28/11/2014. Anh Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M; anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Văn T có hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa chị M và anh T vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2014 tại UBND xã L huyện L, tỉnh Lâm Đồng được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị M và anh T kết hôn với nhau đã có thời gian chung sống hạnh phúc và có 01 con chung, tuy nhiên sau đó một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M trình bày cuộc sống hàng ngày vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về tình cảm, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020, nay chị M xin ly hôn anh T. Anh T cho rằng vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2018 thì chị M đã tự ý bỏ đi và vợ chồng chấm dứt quan hệ từ đó. Nay chị M xin ly hôn anh T nhất trí. HĐXX xét thấy chị M và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả hai bên đều không có nguyện vọng đoàn tụ chung sống, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần giải quyết cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Đỗ Văn T là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Chị M và anh T đều trình bày vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Thị Mai P, sinh ngày 28/11/2014 nay đang ở với chị M. Sau khi ly hôn chị M và anh T đều nhận nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con của anh T và chị M thì thấy hiện nay con đang ở với chị M đời sống được đảm bảo, nguyện vọng của con chung muốn được ở với chị M. Để đảm bảo sự ổn định cuộc sống về mọi mặt của con chung cần giao cho chị M được nuôi con là phù hợp pháp luật và phù hợp nguyện vọng của con chung. Do chị M không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị M.

Anh Đỗ Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[4] Tài sản, công nợ, ruộng đất: Chị M và anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

(1) Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Đỗ Văn T.

(2) Con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M được nuôi con là Đỗ Thị Mai P, sinh ngày 28/11/2014. Anh Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị M. Anh Đỗ Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

(3) Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0006322 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. (Xác nhận chị M đã nộp đủ án phí).

(4) Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Vũ Văn Hợp